

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC THỌ
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST

Ngày 03-4-2020

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ, TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Việt Thắng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Chương và ông Đoàn Xuân Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai Anh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa bà Trần Thị Kim Nhung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03/4/2020 tại Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh xét xử công khai vụ án dân thụ lý sơ thẩm số: 11/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/02/2020 “về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18/3/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tú A, sinh năm: 1984; địa chỉ: Tổ dân phố D, phường TM, quận NTL, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phan Văn Q, sinh năm: 1983; địa chỉ: Thôn TT, xã HL, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 31-12-2019 và bản tự khai ngày 13-02-2020, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Tú A trình bày:

Chị và anh Phan Văn Q tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TM, quận NTL, thành phố Hà Nội vào ngày 19-01-2015. Thời gian đầu, cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh Phan Văn Q đã không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, luôn cãi vã, bất đồng quan điểm

sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian rất ngắn thì ly thân đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn Q.

Chị và anh Phan Văn Q không có con chung.

Chị trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Phan Văn Q. Tuy nhiên, anh Q không đến Toà án tham gia tố tụng. Do vậy, Tòa án đã trực tiếp đến nhà bà Đoàn Thị H – mẹ đẻ của anh Phan Văn Q để tiến hành lập biên bản giao trách nhiệm cho bà H tổng đạt các thủ tục liên quan đến vụ án cho Q. Đồng thời Tòa án đã trực tiếp làm việc với Công an xã HL, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh xác nhận nhân thân của anh Phan Văn Q. Qua theo dõi sổ đăng ký Hộ khẩu của xã, đại diện Công an xã HL cho biết anh Phan Văn Q có hộ khẩu thường trú tại Thôn TT, xã HL, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh nhưng hiện nay anh Q không có mặt tại địa phương, anh Q đi đâu, làm gì Công an xã không biết nhưng thỉnh thoảng anh Q có về địa phương sinh sống một thời gian rồi lại tiếp tục đi khỏi địa phương nhưng đều không cất, chuyển hộ khẩu. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng tại trụ sở UBND xã HL và tại hội trường thôn TT, xã HL, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh.

Tại các buổi hòa giải và tại các phiên tòa anh Phan Văn Q đều vắng mặt nên không có lời khai tại phiên tòa.

3. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc bị đơn vắng mặt tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa không có lý do là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Cho chị Nguyễn Thị Tú A và anh Phan Văn Q được ly hôn; Buộc chị Nguyễn Thị Tú A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Tú A làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh giải quyết ly hôn với anh Phan Văn Q. Về nội dung và hình thức đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tú A đúng quy định tại Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý. Bị đơn anh Phan Văn Q trú tại huyện ĐT nên Tòa án nhân dân huyện ĐT có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Tú A có đơn xin được xét xử vắng mặt đề ngày 19-3-2020 nên theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3]. Bị đơn là anh Phan Văn Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để bị đơn tham gia phiên hòa giải và tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tú A và anh Phan Văn Q đăng ký kết hôn ngày 19-01-2015 tại Ủy ban nhân dân phường TM, quận NTL, thành phố Hà nội trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bỏn phận người đó. Mặc dù, đã được hai bên gia đình nhắc nhở, hòa giải nhưng vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân từ tháng 03 năm 2015 cho đến nay và bỏ mặc nhau.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án anh Phan Văn Q đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các thủ tục để anh Q tham gia tố tụng, trình bày ý kiến của mình về việc chị Nguyễn Thị Tú A xin ly hôn nhưng anh Q đều vắng mặt chứng tỏ anh Q không quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân của vợ chồng hay không.

Chính vì vậy, đã có đủ cơ sở để nhận định rằng, tình trạng hôn nhân của họ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, quan hệ vợ chồng đã thực sự không thể hàn gắn được nữa, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được nên yêu cầu của chị Nguyễn Thị Tú A về việc ly hôn anh Phan Văn Q là có căn cứ, được chấp nhận.

[5] Về con: Chị Nguyễn Thị Tú A và anh Phan Văn Q không có con chung.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không có .

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tú A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 179, Khoản 1, Điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tú A.

Chị Nguyễn Thị Tú A được ly hôn anh Phan Văn Q.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tú A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005990 ngày 04-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh; chị Nguyễn Thị Tú A đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự trong vụ án có có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Thọ;
- Các đương sự;
- UBND phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm; TP Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Việt Thắng